

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Văn Kha**

Ông **Nguyễn Văn Được**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diễm My** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai;

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/05/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXX-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Khai T**, sinh năm 1997; Số CCCD: 070097004806 cấp ngày 29/11/2021; (có đơn xin vắng mặt); Nơi cư trú: Đội 1, ấp 1, xã A, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Nay là xã Đồng T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1998; Số CMND: 285698273 (có đơn xin vắng mặt); Nơi cư trú: Tổ 2, khu phố A, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Nay là tổ 2, khu phố A, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Khai T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Khai T và Chị Nguyễn Kim N đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Nay là xã Đồng T, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ ruột của chị N (Bà Nguyễn Thị Thuỷ Anh và ông Nguyễn Tấn Hồi) tại Tổ 2, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Nay là khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 01 năm thì xảy ra cãi vã mâu

thuần thường xuyên. Lý do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Các mâu thuẫn ngày càng gia tăng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, sức khỏe và đời sống của cả hai bên nên anh T đã về nhà mẹ ruột ở tại xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Nay là xã Đồng T, tỉnh Đồng Nai) cho đến nay. Trong quá trình vợ chồng ly thân thì anh T và chị N cũng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để góp ý, xây dựng và cũng được bố mẹ hai bên vận động đoàn tụ lại với nhau nhưng không được. Nay xác định tình cảm giữa tôi và chị N không còn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên tôi làm đơn này yêu cầu giải quyết cho tôi được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Phúc Khang, sinh ngày 27/12/2018. Hiện nay, chị Nguyễn Kim N ddnag trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Đỗ Khai T đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng: Anh Đỗ Khai T đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng(Ba triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 09 năm 2025.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản ý kiến Chị Nguyễn Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim N và anh Đỗ Khai T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55 ngày 17/9/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (Nay là xã Đồng T, tỉnh Đồng Nai).

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do anh T bỏ nhà đi không quan T vợ con và vợ chồng đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Qua quá trình chung sống với nhau anh T và chị N có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Phúc Khang, sinh ngày 27/12/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị N. Khi anh T và Chị N ly thân đến nay, anh T không quan T đến con, nên chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Kim N yêu cầu anh Đỗ Khai T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(Do bận công việc nên chị Nguyễn Kim N có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 14/8/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn, con chung*” do anh Đỗ Khai T khởi kiện. Bị đơn chị Nguyễn Kim N có địa chỉ cư trú: Khu phố Phú Tân,

phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Đỗ Khai T và chị Nguyễn Kim N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9-Dồng Nai tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đỗ Khai T và chị Nguyễn Kim N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và về chung sống với nhau từ năm 2018, và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tiên, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước (*Nay là Ủy ban nhân dân xã Đồng T, tỉnh Đồng Nai*) vào ngày 25/09/2018. Căn cứ điều 8 và điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh T và Chị N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Chị Nguyễn Kim N có xin giải quyết vắng mặt và có ý kiến đồng ý ly hôn với anh T và tại Tòa án Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Tình cảm của anh T và chị N không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh Đỗ Khai T được ly hôn với chị Nguyễn Kim N.

[3.2] *Về con chung*: Qua quá trình chung sống với nhau anh T và chị N có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Phúc Khang, sinh ngày 27/12/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị N. Khi anh T và Chị N ly thân đến nay, anh T không quan tâm đến con, nên chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Đỗ Nguyễn Phúc Khang vẫn do chị Nguyễn Kim N là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Bên cạnh đó, tại bản tự khai của anh Đỗ Khai T cũng đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Kim N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim N về nuôi con chung. Giao cho Chị Nguyễn Kim N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Nguyễn Phúc Khang đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung. Sau khi ly hôn anh Đỗ Khai T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Đỗ Khai T có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3] *Về cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Kim N yêu cầu anh Đỗ Khai T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Kim N. Hội đồng xét xử thấy: Nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, anh Đỗ Khai T có thu nhập

và cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay con chung của anh T, chị N đang ở độ tuổi đi học, để con chung được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị N buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Buộc anh Đỗ Khai T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/01 tháng từ khi xét xử sơ thẩm tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Đỗ Khai T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Nai). Bên cạnh đó anh T còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khai T:

1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Khai T được ly hôn với chị Nguyễn Kim N (*Đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98 ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tiến huyện Đồng Phú tỉnh Bình Phước*).

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Kim N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Nguyễn Phúc Khang, sinh ngày

27/12/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Anh Đỗ Khai T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Khai T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Kim N số tiền 3.000.000 đồng/01tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Anh Đỗ Khai T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đỗ Khai T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 ngày 04/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Đồng Nai); Anh Đỗ Khai T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đỗ Khai T, chị Nguyễn Kim N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Dồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 9-Dồng Nai;
- UBND xã Đồng T – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga